|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT NGUYỄN HỮU CẢNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN**

**LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN 2014**

Ngày 20/11/2014, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016. Luật Căn cước công dân gồm 6 chương, 39 điều quy định các vấn đề liên quan đến căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh tuyên truyền tóm tắt những nội dung cơ bản về Luật Căn cước công dân (CCCD) ngày 20 tháng 11 năm 2014, cụ thể:

**1. Ý nghĩa, mục đích, tác dụng của việc cấp thẻ Căn cước công dân**

- Luật Căn cước công dân được ban hành nằm trong chương trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính của Nhà nước.

- Thủ tục, trình tự đơn giản, giảm phiền hà cho nhân dân, đảm bảo quyền của công dân có giấy tờ tùy thân để thực hiện các giao dịch phục vụ các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân.

- Phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước về nhân khẩu, quản lý xã hội, góp phần tích cực cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm.

- Về quy cách, kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn quốc tế, đảm bảo cho sự hội nhập trong thời kỳ mới.

- Thẻ Căn cước công dân được cấp theo công nghệ điện tử, chất lượng tốt, kỹ thuật bảo an cao, vừa thuận tiện cho việc quản lý, sử dụng của công dân, vừa phòng chống được việc làm giả, hạn chế được những nhược điểm của Chứng minh nhân dân (CMND) trước đây như sẽ không có sự trùng số, một người không thể có 02 thẻ Căn cước công dân trở lên.

**2. Đối tượng được cấp thẻ Căn cước công dân**

- Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên được cấp thẻ Căn cước công dân (khoản 1 Điều 19 Luật Căn cươc công dân).

- Số thẻ Căn cước công dân là số định danh cá nhân (khoản 2 Điều 19 Luật Căn cươc công dân).

**3. Quyền, nghĩa vụ của công dân về căn cước công dân**

- Khoản 1 Điều 5 Luật Căn cước công dân quy định công dân có quyền sau đây:

a) Được bảo đảm bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân, trừ trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu theo luật định;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý căn cước công dân cập nhật, chỉnh sửa thông tin khi thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước công dân chưa có, chưa chính xác hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật;

c) Được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân theo quy định của Luật này;

d) Sử dụng thẻ Căn cước công dân của mình trong giao dịch, thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của công dân;

đ) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

- Khoản 2 Điều 5 Luật Căn cước công dân quy định Công dân có nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân theo quy định của Luật này;

c) Cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin, tài liệu của bản thân để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

d) Xuất trình thẻ Căn cước công dân khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo quản, giữ gìn thẻ Căn cước công dân đã được cấp; khi mất phải kịp thời trình báo với cơ quan quản lý căn cước công dân;

e) Nộp lại thẻ Căn cước công dân cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp đổi, bị thu hồi, tạm giữ thẻ theo quy định tại Điều 23 và Điều 28 của Luật này.

- Khoản 3 Điều 5 Luật Căn cước công dân quy định: Người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi thông qua người đại diện hợp pháp của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều này.

**4. Trình tự, thủ tục, nơi tiếp nhận hồ sơ và thời gian hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân**

- Trình tự, thủ tục:

+ Đối với công dân đã có các thông tin được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, điền nội dung thông tin vào tờ khai theo mẫu, nộp lại thẻ Căn cước công dân (đối với trường hợp đổi thẻ);

+ Công dân phải xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong tờ khai theo mẫu quy định. Việc cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD về cơ bản sẽ kế thừa các quy trình về cấp, đổi, cấp lại CMND;

+ Đối với người đang phục vụ trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân phải xuất trình giấy Chứng minh Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân kèm theo giấy giới thiệu của thủ trưởng đơn vị;

+ Việc trả thẻ Căn cước công dân theo thời hạn và địa điểm trong giấy hẹn. Trường hợp công dân có yêu cầu trả thẻ tại địa điểm khác thì cơ quan quản lý căn cước công dân trả thẻ tại địa điểm theo yêu cầu của công dân và công dân phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

**5. Nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

- Điều 26 Luật Căn cước công dân quy định nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân:

1. Tại cơ quan quản lý căn cước công dân của Bộ Công an;

2. Tại cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

3. Tại cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương;

4. Cơ quan quản lý căn cước công dân có thẩm quyền tổ chức làm thủ tục cấp thẻ CCCD tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân trong trường hợp cần thiết.

**6. Thời gian cấp, đổi lại thẻ Căn cước công dân**

- Điều 25 Luật Căn cước công dân quy định thời gian cấp, đổi lại thẻ Căn cước công dân: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Luật này, cơ quan quản lý căn cước công dân phải cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân trong thời hạn sau đây:

1. Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới và đổi; không quá 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại;

2. Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp;

3. Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp;

4. Theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính, Bộ trưởng Bộ Công an quy định rút ngắn thời hạn cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**7. Thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

Điều 27 Luật Căn cước công dân quy định t**hẩm quyền cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân:** Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước công dân của Bộ Công an có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**8. Các trường hợp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

Điều 23 Luật Căn cước công dân quy định các trường hợp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân:

1. Thẻ Căn cước công dân được đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật này;

b) Thẻ bị hư hỏng không sử dụng được;

c) Thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng;

d) Xác định lại giới tính, quê quán;

đ) Có sai sót về thông tin trên thẻ Căn cước công dân;

e) Khi công dân có yêu cầu.

2. Thẻ Căn cước công dân được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Bị mất thẻ Căn cước công dân;

b) Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam.

**9. Các trường hợp thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân**

- Điều 28 Luật Căn cước công dân quy định thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân:

1. Thẻ Căn cước công dân bị thu hồi trong trường hợp công dân bị tước quốc tịch, thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

2. Thẻ Căn cước công dân bị tạm giữ trong trường hợp sau đây:

a) Người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Người đang bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù.

3. Trong thời gian bị tạm giữ thẻ Căn cước công dân, công dân được cơ quan tạm giữ thẻ Căn cước công dân cho phép sử dụng thẻ Căn cước công dân của mình để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.

Công dân được trả lại thẻ Căn cước công dân khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam, chấp hành xong án phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thẩm quyền thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân:

a) Cơ quan quản lý căn cước công dân có thẩm quyền thu hồi thẻ Căn cước công dân trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù, thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có thẩm quyền tạm giữ thẻ Căn cước công dân trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

**10. Lệ phí đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân**

- Công dân khi làm thủ tục đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 170/2015/TT-BTC ngày 09/11/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân:

+ Đổi: 50.000đ/thẻ Căn cước công dân;

+ Cấp lại: 70.000đ/thẻ Căn cước công dân.

- Đối tượng không phải nộp lệ phí:

+ Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân lần đầu;

+ Đổi thẻ Căn cước công dân khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi;

- Đối tượng được miễn lệ phí:

+ Công dân đổi từ CMND 9 số và CMND 12 số còn hạn sử dụng, nguyên vẹn, rõ nét các thông tin sang cấp thẻ Căn cước công dân;

+ Đổi thẻ Căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;

+ Đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và nguời hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thuộc các xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.

+ Đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

Trên đây là tóm tắt những nội dung cơ bản về Luật Căn cước công dân 2014. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh đề nghị các cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đúng các quy định của Luật Căn cước công dân 2014./.